



**INVESTIGATING SELF-DEFENSE SKILLS OF 5-6 YEAR-OLD CHILDREN
AT KINDERGARTEN IN THE NORTHERN MOUNTAINOUS REGIONS**

Le Thi Thanh Hue

Thai Nguyen University of Education, Viet Nam

Email address: hueltt@tnue.edu.vn

DOI: <https://doi.org/10.51453/2354-1431/2021/630>

Article info	Abstract:
<p><i>Received: 12/1/2022</i></p> <p><i>Revised: 20/2/2022</i></p> <p><i>Accepted: 5/3/2022</i></p>	<p>Self-defense skills are an important element in the system of life skills that need to be formed and developed for 5-6 year olds, especially children in mountainous areas with most of them being from ethnic minorities. Some live in remote areas, which have mountainous terrain and harsh climates. Children going to preschool face many difficulties and are at high risk of unsafety; for example, houses and schools are often located on mountain slopes and steep slopes; the distance from home to school is far, children walk by themselves without the accompany of an adult; floods, thunder, landslides; being kidnapped; being violated; getting lost, traffic accidents, drowning; getting a burn; sharp things; being bitten by insects and wild animals; being hungry, thirsty, sick with a fever; stay at home alone when parents go to work for a long time; ... Therefore, we conducted this study with the aim of discovering the current status of children's self-defense skill level, to understand the barriers to self-defense skills education activities for children in these areas. The research methods used in this study include survey, process observation, situation exercises, interviews, mathematical-statistical methods (SPSS 20.0 software), etc. Children's sense of comfort and active participation in school activities ranged from 2.62 to 2.64 on average; The level of children's self-defense skills in the surveyed skill groups is mainly distributed at levels 2 and 3, from 1.18 to 2.52 (out of the 4 assessment levels).</p>
<p>Keywords:</p> <p><i>Self-defense, formation, skills, preschool children, preschool</i></p>	



KHẢO SÁT KỸ NĂNG TỰ BẢO VỆ CỦA TRẺ MẪU GIÁO 5-6 TUỔI Ở CÁC TRƯỜNG MẦM NON KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC

Lê Thị Thanh Huệ

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, Việt Nam

Địa chỉ Email: hueltt@tmue.edu.vn

DOI: <https://doi.org/10.51453/2354-1431/2021/630>

Thông tin bài viết	Tóm tắt
<p>Ngày nhận bài: 12/1/2022</p> <p>Ngày sửa bài: 20/2/2022</p> <p>Ngày duyệt đăng: 5/3/2022</p>	<p>Kỹ năng tự bảo vệ là một thành tố quan trọng trong hệ thống các kỹ năng sống cần hình thành và phát triển cho trẻ 5-6 tuổi, đặc biệt là trẻ em ở khu vực miền núi với phần lớn trẻ là người dân tộc thiểu số sinh sống ở các vùng sâu, vùng xa - những vùng có địa hình đồi núi, khí hậu khắc nghiệt. Trẻ em đi học gặp nhiều khó khăn và có nguy cơ cao mất an toàn như: nhà ở, trường học thường ở sườn núi, dốc cao; quãng đường từ nhà đến trường xa, trẻ tự đi bộ mà không có người lớn đưa đón; mưa lũ, sấm sét, sạt lở đất đá; bị bắt cóc; bị xâm hại; bị lạc đường, tai nạn giao thông, đuối nước; bị bỏng; vật sắc nhọn; bị côn trùng đốt và động vật hoang dã tấn công; bị đói, khát nước; bị ốm sốt; ở nhà một mình khi bố mẹ đi làm thuê dài ngày; ... Vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này với mục đích phát hiện thực trạng mức độ kỹ năng tự bảo vệ của trẻ, tìm hiểu các rào cản đối với hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ ở khu vực này. Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng bao gồm: phương pháp điều tra, phương pháp quan sát theo quá trình, bài tập tình huống, phương pháp phỏng vấn, phương pháp thống kê toán học (phần mềm SPSS 20.0),... Kết quả về cảm giác thoải mái và sự tham gia tích cực của trẻ trong hoạt động ở các trường đạt từ mức trung bình từ 2.62 đến 2.64; mức độ kỹ năng tự bảo vệ của trẻ ở các nhóm kỹ năng được khảo sát phân bố chủ yếu ở mức 2 và 3, từ 1.18 đến 2.52 (trong 4 mức đánh giá).</p>
<p>Từ khóa:</p> <p>Tự bảo vệ, hình thành, kỹ năng, trẻ mẫu giáo, trường mầm non</p>	

1. Mở đầu

Kỹ năng tự bảo vệ là sự thực hiện có kết quả một hành động hay hoạt động tự bảo vệ bằng cách vận dụng những tri thức, kinh nghiệm đã có của cá nhân một cách hợp lý, linh hoạt vào các tình huống khác nhau để đạt được mục tiêu giữ cho bản thân được an toàn về thể chất và tinh thần. Theo đó, kỹ năng tự bảo vệ của trẻ cần được hiểu một cách đầy đủ, bao gồm 2 mặt: Tự bảo vệ thân thể (bảo vệ sức khỏe thể chất) - những kỹ năng để bảo vệ cơ thể được an toàn về thể chất (bị tấn công bằng vũ lực, bị ngã, bị chảy máu, bị tai nạn,...); tự bảo vệ tinh thần (bảo vệ sức khỏe tâm lý xã hội) - những kỹ năng cần thiết để ứng phó với

những khó khăn tâm lý và tình cảm trong mối quan hệ với cha mẹ, thầy cô, bạn bè và những người xung quanh [8]. Thực tế hiện nay cho thấy, tỷ lệ tai nạn thương tích trẻ em ở nước ta đang rất cao, nhất là các vùng miền núi, vùng sâu vùng xa, đối tượng trẻ nhỏ dưới 7 tuổi. Chính sự thiếu giám sát của người lớn, sự xao nhãng, vô ý, bất cẩn và thiếu kiến thức của các bậc phụ huynh; môi trường sống trong cộng đồng, gia đình chưa an toàn; chưa tiếp cận được nhiều với các phương tiện an toàn (mũ bảo hiểm, phao bơi, thiết bị chống cháy nổ, đồ sơ cấp cứu ý tế tại nhà,...) là những nguyên nhân cơ bản của tình trạng trên. Việc đánh giá được kỹ năng tự bảo vệ của trẻ có ý nghĩa quan trọng trong việc phát hiện thực trạng giáo dục trẻ ở

các trường mầm non có nhiều trẻ người dân tộc thiểu số, từ đó tìm ra rào cản ảnh hưởng đến quá trình học tập, vui chơi và đề xuất các khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng giáo dục kỹ năng tự bảo vệ nói riêng và giáo dục mầm non khu vực miền núi nói chung.

Trong nghiên cứu „Child Sexual Abuse: From Prevention to Self-Protection“, Maureen C. Kenny (2008) [3], đã chỉ ra rằng, đối với trẻ nhỏ cần được cha mẹ dạy các kỹ năng tự bảo vệ mình. Vì vậy, nhà trường và các nhà giáo dục cần tăng cường các hoạt động giáo dục, tuyên truyền cho cả trẻ và phụ huynh. Tác giả cũng cho rằng, khi dạy trẻ về các kỹ năng an toàn giao thông, an toàn tình dục hay an toàn cháy nổ thì điều cốt lõi là dạy trẻ hình thức để được an toàn cho cá nhân. Đây chính là những kỹ năng tự bảo vệ thiết yếu. Nhiều nghiên cứu khác cũng đã chỉ ra rằng, trẻ em có rất ít kiến thức về lạm dụng tình dục hoặc các kỹ năng tự bảo vệ và nhiều trẻ thực sự coi việc đụng chạm tình dục là có thể chấp nhận được (Wurtele và Owens, 1997) [7], kỹ năng an toàn cá nhân (Runyon và cộng sự, 1998) [6], hoặc kỹ năng ứng phó với lạm dụng (Deblinger và Runyon, 2000) [4] có thể làm giảm khả năng trẻ em bị lạm dụng bằng cách nâng cao nhận thức, kiến thức và mức độ thoải mái của chúng khi tiết lộ những hành vi tình dục không phù hợp.

Chương trình giáo dục mầm non hiện hành cũng chỉ rõ, mục tiêu của giáo dục mầm non là “hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kĩ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời“. Nội dung và phương pháp giáo dục cần „cung cấp kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi; giúp trẻ em biết kính trọng, yêu mến, lễ phép với ông bà, cha mẹ, thầy giáo, cô giáo; yêu quý anh, chị, em, bạn bè; thật thà, mạnh dạn, tự tin và hồn nhiên, yêu thích cái đẹp; ham hiểu biết, thích đi học“ [4]. Có thể nói, đây là những căn cứ và định hướng quan trọng để giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế. Tác giả Nguyễn Thị Xuân Hương [2] trong nghiên cứu của mình cũng cho rằng, „Lứa tuổi mẫu giáo đang hình thành những giá trị nhân cách, giàu trí tưởng tượng, ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi song còn thiếu hiểu biết sâu sắc về xã hội, còn thiếu kinh nghiệm sống, dễ bị rơi vào những tình huống nguy hiểm, không an toàn. Việc giáo dục kĩ năng tự bảo vệ cho trẻ ở lứa tuổi này giúp trẻ nhanh nhạy ứng phó với những hoàn cảnh bất lợi, nguy hiểm, có khả năng thích ứng và chống chọi với mọi biến động xã hội, biết tự khẳng định mình trong cuộc sống“ .

Quan sát trẻ theo quá trình là kỹ thuật giúp giáo viên mầm non hiểu được nhu cầu, sở thích và khả

năng của trẻ trong hoạt động học tập và vui chơi, từ đó kịp thời điều chỉnh kế hoạch giáo dục phù hợp với trẻ và cải thiện hiệu quả hoạt động giảng dạy. Trên cơ sở phân tích nguyên nhân tác động đến cảm giác thoải mái và mức độ tham gia của trẻ, giáo viên điều chỉnh kế hoạch giáo dục thông qua việc áp dụng “các điểm hành động” [5] nhằm tối đa hóa hiệu quả tác động, giải quyết các rào cản, tạo ra những thay đổi trong tổ chức thực hiện các hoạt động giúp trẻ chơi, học tốt hơn và phát huy tối đa năng lực của trẻ.

2. Phương pháp nghiên cứu

Chúng tôi tiến hành khảo sát mức độ kỹ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc. Khảo sát được tiến hành trên 220 trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi, với thời gian thực hiện quan sát quá trình hoạt động của trẻ trong 3 tuần. Chúng tôi đánh giá cảm giác thoải mái và mức độ tham gia của trẻ trong các hoạt động giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm bằng cách xây dựng các tiêu chí đánh giá vận dụng Hệ thống quan sát trẻ theo quá trình của Laevers, Moons & Declercq, 2012 và Các chỉ số hòa nhập của Booth & Ainscow, 2016; đánh giá mức độ kỹ năng tự bảo vệ của trẻ về các mặt nhận thức, kết quả thực hiện, tự đánh giá kết quả và vận dụng kinh nghiệm. Sau khi xây dựng phiếu quan sát để đánh giá cảm giác thoải mái của trẻ và sự tham gia của trẻ trong hoạt động, chúng tôi tiến hành kiểm tra độ tin cậy của bộ công cụ bằng cách khảo sát 35 trẻ. Để kiểm tra độ tin cậy của các tiêu chí sử dụng trong phiếu quan sát trẻ, các thang đo, bộ công cụ khảo sát, chúng tôi dùng kiểm định Cronbach's Alpha để đánh giá. Kết quả kiểm tra cho hệ số Cronbach's Alpha = 0.76. Như vậy thang đo sử dụng tốt, có thể sử dụng trong quan sát, đánh giá trẻ ở diện rộng. Ngoài ra, các dữ liệu thu thập khác cũng được xử lý bằng phần mềm SPSS phiên bản 20.0 .

Với thang đo kỹ năng tự bảo vệ của trẻ được khảo sát dựa trên tổng số trẻ được quan sát theo quá trình và lựa chọn mức độ dựa trên các biểu hiện có trong nội dung đánh giá: Mức 4 (tốt): Trẻ có 80%-100% biểu hiện của chỉ số trong tiêu chí; Mức 3 (khá): Trẻ có 60%-< 80% biểu hiện của chỉ số trong tiêu chí; Mức 2 (trung bình): Trẻ có 40% - < 60% biểu hiện của chỉ số trong tiêu chí; Mức 1 (yếu): Trẻ có < 40% biểu hiện của chỉ số trong tiêu chí.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Về kết quả khảo sát Cảm giác thoải mái và Sự tham gia của trẻ trong hoạt động

Bằng thực hiện quan sát theo quá trình, nghiên cứu đã đánh giá cảm giác thoải mái và sự tham gia của trẻ trong hoạt động với kết quả điểm trung bình đạt được như sau:

Bảng 1: Điểm trung bình về Cảm giác thoải mái và Sự tham gia của trẻ

STT	Tiêu chí	Điểm TB	SD
1	Cảm giác thoải mái	2.64	0.64
2	Sự tham gia hoạt động	2.62	0.53

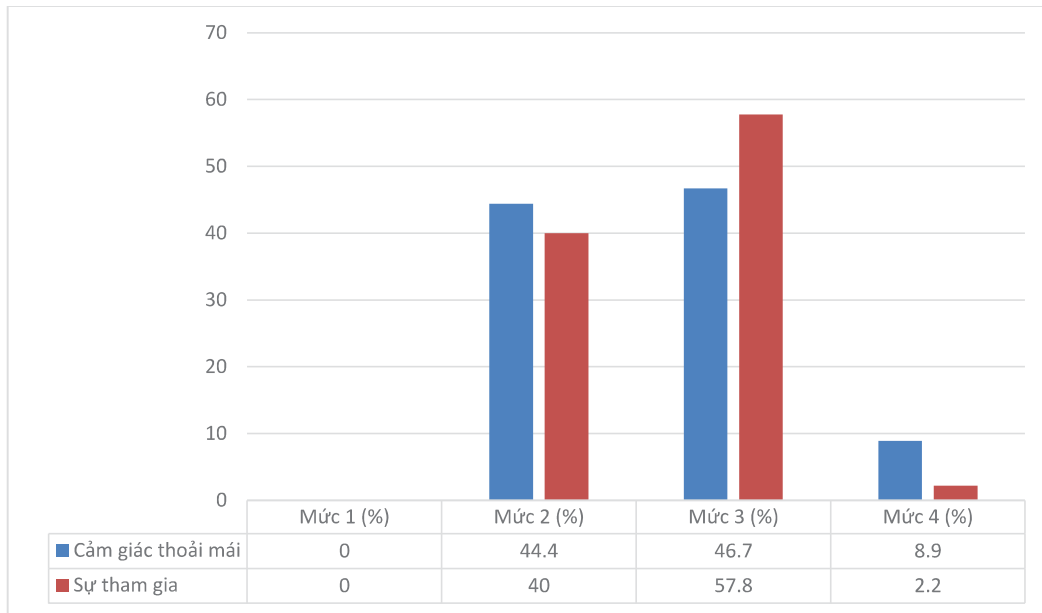
Cảm giác thoải mái và sự tham gia của trẻ đều có điểm trung bình không cao và ít có sự chênh lệch giữa các trẻ (độ lệch chuẩn <0.64).

Về cảm giác thoải mái: điểm trung bình 2.64, đạt mức trung bình khi đối chiếu với thang Leuven [5]. Trẻ có cảm giác thoải mái ở mức độ cao sẽ có biểu hiện về gương mặt, cử chỉ, ánh mắt vui vẻ; dáng điệu thoải mái; phản ứng nhanh nhẹn; tự tin giao tiếp; tự tin thể hiện bản thân. Tuy nhiên, phần lớn trẻ được khảo sát đều ở các trường mầm non thuộc huyện vùng sâu, vùng xa, có nhiều trẻ là người dân tộc thiểu số nên việc giao tiếp bằng tiếng Việt cho trẻ tại trường còn nhiều hạn chế. Khi nghe – hiểu chưa tốt, trẻ sẽ không tự tin, thoải mái ngay thời điểm bắt đầu hoạt động. Kết quả phỏng vấn sâu về nguyên nhân của thực trạng trên, các giáo viên cho rằng: “do chưa tạo được môi trường giao tiếp tiếng Việt thường xuyên cho trẻ trong gia đình và cộng đồng nơi trẻ sinh sống” (cô G.T.M – tỉnh Yên Bái); “do nhiều trẻ 5 tuổi mới lần đầu đến trường mầm non nên chưa hoà nhập được ngay. Thông thường, giáo viên phải sử dụng trò chơi hay các phương tiện trực quan để thu hút sự chú ý của

trẻ, từ đó trẻ mới chủ động tham gia một cách tự nhiên” (cô H.T.B – tỉnh Bắc Kạn).

Về sự tham gia của trẻ: điểm trung bình của trẻ đạt 2.62 và ở mức trung bình khi đối chiếu với thang Leuven, có sự tương đồng với cảm giác thoải mái. Do sự tham gia của trẻ được đánh giá qua sự chủ động, tích cực, liên tục và tập trung cao độ trong hoạt động nên ở mức độ này, ta sẽ quan sát thấy hoạt động của trẻ có thể bị gián đoạn, mặc dù trẻ sẽ luôn bận rộn nhưng dễ dàng bị xao nhãng và hoạt động như một thói quen.

Phân tích tần suất xuất hiện các mức độ đánh giá tiêu chí về cảm giác thoải mái và sự tham gia của trẻ nhận thấy: tỉ lệ trẻ đạt mức 2 và mức 3 cao nhất, không có trẻ nào đạt mức 1 và mức 4 đạt <8.9%. *Điều này cho thấy, nếu đổi mới phương pháp, hình thức giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo hướng có thể dỡ bỏ được các rào cản về ngôn ngữ tiếng Việt, tâm lý nhút nhát, thiếu tự tin trước đông người bằng cách tổ chức hoạt động tiếp cận thực hành, trải nghiệm và học thông qua chơi nhiều hơn thì có thể tăng tỉ lệ trẻ đạt mức độ 4 và giảm tỉ lệ trẻ đạt mức 2.*



Biểu đồ 1: Tần suất xuất hiện các mức độ đánh giá cảm giác thoải mái và sự tham gia

3.2. Về kết quả mức độ biểu hiện kỹ năng tự bảo vệ của trẻ theo các nhóm kỹ năng thành phần

Để đánh giá mức độ biểu hiện kỹ năng tự bảo vệ của trẻ, chúng tôi thực hiện quan sát trẻ trong các hoạt

động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ của giáo viên và các hoạt động khác trong chế độ sinh hoạt hàng ngày, thực hiện đánh giá thông qua các bài tập tình huống và thu được kết quả tổng hợp như sau:

Bảng 2: Mức độ kỹ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi theo các nhóm kỹ năng

STT	Nội dung	M	SD	Max	Thứ bậc
1	Kỹ năng phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng;	2.05	0.53	4.00	3
2	Kỹ năng ăn uống an toàn;	2.52	0.54	3.67	1
3	Kỹ năng phòng tránh xâm hại;	1.83	0.63	4.00	5
4	Kỹ năng an toàn khi tham gia giao thông;	2.20	0.72	4.00	2
5	Kỹ năng phòng tránh lạc đường và bắt cóc;	1.81	0.54	3.33	6
6	Kỹ năng nhận diện một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ;	1.67	0.49	3.00	7
7	Kỹ năng thực hiện một số hành vi và quy tắc ứng xử xã hội đảm bảo an toàn;	1.49	0.34	2.33	8
8	Kỹ năng vệ sinh thân thể và bảo vệ sức khỏe;	1.95	0.59	4.00	4
9	Kỹ năng tự bảo vệ an toàn trên không gian mạng.	1.18	0.25	2.33	9

Kết quả ở Bảng 2 cho thấy, mức độ kỹ năng tự bảo vệ của trẻ ở các nhóm kỹ năng được khảo sát phân bố chủ yếu ở mức 2 và 3, từ 1.18 đến 2.52 với độ lệch chuẩn thấp (<0.5), mức độ kỹ năng giữa các trẻ không có sự chênh lệch lớn so với giá trị trung bình. Theo thang đánh giá, giá trị trung bình kỹ năng của trẻ xếp loại trung bình và khá. Như vậy, kỹ năng tự bảo vệ của trẻ không cao và tương đối đồng đều về mức độ đạt được, chỉ có một số ít (<5%) trẻ được đánh giá có kỹ năng ở mức tốt và rất tốt (mức 3 và 4). Cụ thể:

Nhóm kỹ năng kỹ năng ăn uống an toàn xếp thứ bậc cao nhất (M=2.52, SD=0.54). Đây là những kỹ năng gắn liền với các hoạt động trong chế độ sinh hoạt hàng ngày ở trường mầm non nên được các cô giáo thường xuyên nhắc nhở và rèn luyện cho trẻ.

Nhóm kỹ năng an toàn khi tham gia giao thông xếp thứ 2 (M=2.20, SD=0.72). Kế hoạch giáo dục ở trường mầm non được xây dựng theo các chủ đề, trong đó có chủ đề giao thông nên với nhóm kỹ năng này, trẻ sẽ được củng cố nhiều kiến thức và hình thành kỹ năng ngay từ lứa tuổi nhà trẻ theo hướng phát triển đồng tâm về nội dung.

Nhóm kỹ năng phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng xếp thứ ba (M=2.05, SD=0.53); nhóm kỹ năng vệ sinh thân thể và bảo vệ sức khỏe xếp thứ tư (M=1.95, SD=0.59).

Nhóm kỹ năng phòng tránh xâm hại, mức độ đạt được của trẻ còn thấp (M=1.83, SD=0.63). Qua

quan sát có nhiều trẻ lúng túng, không thể hiện được các hành động phù hợp. Đặc biệt, kỹ năng tự bảo vệ an toàn trên không gian mạng có mức độ thấp nhất (M=1.18, SD=0.25), có 57.3% số trẻ được đánh giá ở mức độ 2 (trung bình) và 42.3% số trẻ được đánh giá ở mức độ 3 (khá). Trẻ hầu như không có kỹ năng này do giáo viên chưa đưa vào thành nội dung giáo dục cho trẻ (trong kế hoạch giáo dục cũng như nội dung giáo dục kỹ năng xã hội) và phụ huynh vẫn có tâm lý chủ quan trước những mặt trái của mạng internet đối với trẻ ở lứa tuổi này. Đây là nhóm kỹ năng mới, cần thiết phải được trang bị cho trẻ trong thời đại công nghiệp 4.0 và chuyên đổi số. Kết quả phỏng vấn giáo viên và trò chuyện với trẻ cũng cho thấy, các bé vẫn thường xuyên được cha mẹ cho sử dụng điện thoại thông minh, tivi để truy cập mạng internet ở nhà hoặc để xem các video cô giáo gửi trong thời gian nghỉ dịch, tần suất và thời gian sử dụng mạng internet của trẻ có sự gia tăng cao kể từ khi có dịch bệnh. Các nhóm kỹ năng còn lại bao gồm: kỹ năng phòng tránh lạc đường và bắt cóc (M=1.81, SD=0.54), kỹ năng nhận diện một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ (M=1.67, SD=0.49), kỹ năng thực hiện một số hành vi và quy tắc ứng xử xã hội đảm bảo an toàn (M=1.49, SD=0.34) không có sự chênh lệch nhiều về mức độ biểu hiện kỹ năng của trẻ và đều ở mức 2.

Chúng tôi cũng đánh giá mức độ biểu hiện kỹ năng tự bảo vệ của trẻ và phân tích theo từng tiêu chí đánh giá về nhận thức, thực hiện và thái độ.

3.2. Về kết quả đánh giá kỹ năng tự bảo vệ của trẻ theo các tiêu chí

Bảng 3: Tần suất xuất hiện các mức độ đánh giá theo các tiêu chí của từng kỹ năng thành phần

Nhóm kỹ năng	Tiêu chí											
	Về nhận thức				Về thực hiện				Về thái độ			
	(1) N(%)	(2) N(%)	(3) N(%)	(4) N(%)	(1) N(%)	(2) N(%)	(3) N(%)	(4) N(%)	(1) N(%)	(2) N(%)	(3) N(%)	(4) N(%)
Kỹ năng phòng tránh những hành động nguy hiểm, ...;	70 (31.8)	61 (27.7)	60 (27.3)	29 (13.2)	75 (34.1)	82 (37.3)	57 (25.9)	6 (2.7)	72 (32.7)	86 (39.1)	58 (26.4)	4 (1.8)
Kỹ năng ăn uống an toàn;	27 (12.3)	80 (36.4)	71 (32.3)	42 (19.1)	21 (9.5)	82 (37.3)	108 (49.1)	9 (4.1)	22 (10)	85 (38.6)	94 (42.7)	19 (8.6)
Kỹ năng phòng tránh xâm hại;	84 (38.2)	72 (32.7)	56 (25.5)	8 (3.6)	124 (56.4)	67 (30.5)	21 (9.5)	8 (3.6)	67 (30.5)	114 (51.8)	25 (11.4)	14 (6.4)
Kỹ năng an toàn khi tham gia giao thông;	66 (30.0)	72 (32.7)	47 (21.4)	35 (15.9)	53 (24.1)	89 (40.5)	59 (26.8)	19 (8.6)	55 (25.0)	90 (40.9)	57 (25.9)	18 (8.2)
Kỹ năng phòng tránh lạc đường và bắt cóc;	56 (25.5)	103 (46.8)	60 (27.3)	1 (0.5)	93 (42.3)	104 (47.3)	23 (10.5)	0 (0)	97 (44.1)	92 (41.8)	28 (12.7)	3 (1.4)
Kỹ năng nhận diện một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ;	81 (36.8)	124 (56.4)	15 (6.8)	0 (0)	81 (36.8)	108 (49.1)	31 (14.1)	0 (0)	106 (48.2)	110 (50.0)	4 (1.8)	0 (0)
Kỹ năng thực hiện một số hành vi và quy tắc ứng xử xã hội đảm bảo an toàn;	105 (47.7)	112 (50.9)	3 (1.4)	0 (0)	119 (54.1)	101 (45.9)	0 (0)	0 (0)	114 (51.8)	106 (48.2)	0 (0)	0 (0)
Kỹ năng vệ sinh thân thể và bảo vệ sức khỏe;	59 (26.8)	116 (52.7)	32 (14.5)	13 (5.9)	73 (33.2)	104 (47.3)	29 (13.2)	14 (6.4)	82 (37.3)	86 (39.1)	36 (16.4)	16 (7.3)
Kỹ năng tự bảo vệ an toàn trên không gian mạng.	178 (80.9)	40 (18.2)	2 (0.9)	0 (0)	182 (82.7)	38 (17.3)	0 (0)	0 (0)	180 (81.8)	40 (18.2)	0 (0)	0 (0)

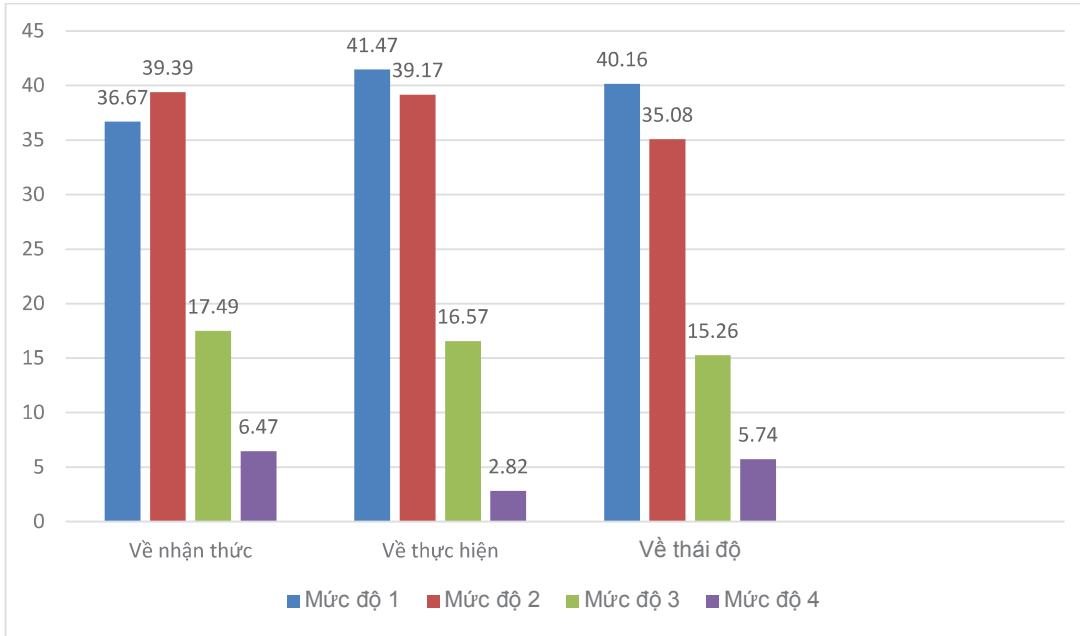
Bảng thống kê số liệu trên mô tả mức độ biểu hiện kỹ năng tự bảo vệ của trẻ về cả 3 mặt nhận thức, thực hiện và thái độ của tất cả các kỹ năng thành phần chưa cao, chủ yếu ở mức 1 (từ 25.5% đến 82.7%) và mức 2 (từ 17.3% đến 56.4%). Trong khi đó, số trẻ đạt mức độ 4 chỉ chiếm tỷ lệ dưới 19.1%, số trẻ đạt mức độ 3 chiếm dưới 49.1%. Tần suất xuất hiện các mức độ đánh giá theo tiêu chí của từng kỹ năng thành phần không có sự đồng đều. Các nhóm kỹ năng: kỹ năng ăn uống an toàn; kỹ năng an toàn khi tham gia giao thông; kỹ năng vệ sinh thân thể và bảo vệ sức khỏe có tỷ lệ trẻ đạt các mức độ 3 và mức độ 4 cao nhất. Nhiều nhóm kỹ năng thành phần không có trẻ đạt mức độ 4 như: kỹ năng nhận diện một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ; kỹ năng thực hiện một số hành vi và quy tắc ứng xử xã hội đảm bảo an toàn; kỹ

năng tự bảo vệ an toàn trên không gian mạng; kỹ năng phòng tránh lạc đường và bắt cóc. Dựa vào kết quả nghiên cứu kế hoạch giáo dục và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống nói chung, kỹ năng tự bảo vệ nói riêng cho trẻ của các trường mầm non; kết quả nghiên cứu hồ sơ, sổ sách của giáo viên lớp 5-6 tuổi được khảo sát, chúng tôi cũng nhận thấy, có nhiều các nhóm kỹ năng thành phần của kỹ năng tự bảo vệ không có trong mục tiêu và nội dung của kế hoạch. Tùy từng hoạt động và chủ đề thực hiện, giáo viên sẽ linh hoạt tích hợp các kiến thức và kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ (cô L.T.N – tỉnh Hà Giang).

Phân bố các mức độ kỹ năng tự bảo vệ của trẻ theo các tiêu chí dựa trên kết quả đánh giá % trung bình được thể hiện chi tiết qua bảng tổng hợp (Bảng 4) và biểu đồ 2:

Bảng 4: Tần suất các mức độ kỹ năng tự bảo vệ của trẻ theo điểm trung bình các tiêu chí

Tiêu chí	Mức độ 1(%)	Mức độ 2(%)	Mức độ 3(%)	Mức độ 4(%)
Về nhận thức	36.67	39.39	17.49	6.47
Về thực hiện	41.47	39.17	16.57	2.82
Về thái độ	40.16	35.08	15.26	5.74



Biểu đồ 2: Mức độ kỹ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi theo các tiêu chí

Như vậy, ở tất cả các tiêu chí đánh giá, tỷ lệ trẻ có kỹ năng tự bảo vệ đạt mức 2 (trung bình) và mức 1 (yếu) cao vượt trội; số trẻ có kỹ năng tự bảo vệ ở mức độ 4 (tốt) có tỷ lệ thấp nhất. Cụ thể:

Về tiêu chí nhận thức:

Mức độ kỹ năng đạt được không đồng đều trên các trẻ. Trong số trẻ được khảo sát, có 36.61% trẻ được đánh giá ở mức độ 1 (mức độ yếu), 39,39% ở mức độ 2 (mức độ trung bình), 17,49% ở mức độ 3 (mức độ khá) và 6.47% ở mức độ 4 (mức tốt). Như vậy, mức độ 2 có tỷ lệ cao nhất và mức độ 4 có tỷ lệ thấp nhất. Với 11 lớp 5-6 tuổi của 11 trường mầm non được khảo sát, mỗi lớp chỉ có 1-2 trẻ vượt trội, được đánh giá ở mức độ 4, nghĩa là trẻ có nhận thức đầy đủ về các hành động tự bảo vệ, nói được đầy đủ ý và phân xạ nhanh, tự tin; 3-5 trẻ được đánh giá ở mức độ 3, là những trẻ có nhận thức tương đối đầy đủ về các hành động tự bảo vệ, nói được đủ ý khi được hỏi nhưng đôi khi cần gợi ý, còn lại hầu hết trẻ đều được đánh giá ở mức thấp hơn, trẻ không có phản xạ trả lời câu hỏi nếu giáo viên không giúp đỡ, không hỏi lại nếu chưa hiểu hoặc trẻ hiểu câu hỏi nhưng không trả lời được đúng. Theo cô H.T.H (Bắc Kạn) hầu hết trẻ 5-6 tuổi lớp cô phụ trách đã có vốn tiếng Việt tương đối nhiều nhưng khả năng sử dụng ngôn ngữ mạch lạc chưa tốt nên trẻ thường không mạnh dạn giao tiếp

hoặc không biết cách diễn đạt ý hiểu hay mong muốn của mình cho phù hợp.

Về tiêu chí thực hiện:

Mức độ kỹ năng đạt được trên trẻ phân bố theo tỷ lệ: mức độ 1 chiếm 41.47%, mức độ 2 chiếm 39.17% , mức độ 3 chiếm 16.57% , mức độ 4 chiếm 2.82%. Kết quả này cho thấy, kỹ năng thực hiện các hành động tự bảo vệ của trẻ không cao, mức yếu và mức trung bình vẫn chiếm đa số. Những trẻ này thường thực hiện được các hành động tự bảo vệ cơ bản nhưng cần có sự gợi ý, chỉ dẫn hoặc thực hiện được hành động nhưng không chính xác, không thành thạo. Vì thế trẻ không kiên trì, nỗ lực hết sức thực hiện hành động để đạt được kết quả; chưa thể hiện được sự chủ động khi thấy có nguy cơ mất an toàn cho bản thân. Số trẻ thực hiện các hành động tự bảo vệ một cách nhanh chóng, chính xác, thành thạo chiếm số lượng rất thấp (2.82%). Đây là những trẻ vẫn có biểu hiện nổi trội, nhanh nhẹn, mạnh dạn trong tất cả các hoạt động hàng ngày ở lớp.

Về tiêu chí thái độ:

Mức độ kỹ năng đạt được trên trẻ phân bố theo tỷ lệ tập trung cao ở mức độ 1 (40.16%) và mức độ 2 (35.08%). Số trẻ tự tin thể hiện xúc cảm và có thái độ phù hợp với các tình huống khác nhau, luôn cố gắng, kiên trì thực hiện hành động để có kết quả tốt nhất đạt

mức độ 4 chỉ chiếm 5.74%; còn số trẻ được đánh giá ở mức độ 3 chiếm 15.26%.

Thống kê giá trị trung bình của các mức độ biểu hiện kỹ năng tự bảo vệ theo tiêu chí đánh giá cho thấy, cả ba tiêu chí đều có giá trị trung bình (Mean) tương đương, gần bằng nhau và ở mức thấp: nhận thức ($m=1.94, SD=0.26$), thực hiện ($M=1.81, SD=0.25$), thái độ ($M=1.83, SD=0.27$).

Qua quan sát, trò chuyện, đàm thoại với giáo viên và cán bộ quản lý; qua nghiên cứu kế hoạch giáo dục của giáo viên dạy các lớp, chúng tôi nhận thấy còn nhiều rào cản ảnh hưởng đến mức độ kỹ năng tự bảo vệ của trẻ trong đó có nguyên nhân đến từ phía giáo viên, phía trẻ, phụ huynh và có cả nguyên nhân do điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện giảng dạy, điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương như: đặc điểm tâm lý nhút nhát; lớp học đa dạng văn hoá với nhiều dân tộc khác nhau (Tày, Nùng, Sán Chí, Pà Thẻn, Mường, Dao, Kinh); cơ sở vật chất chưa phong phú; phòng học có diện tích nhỏ; bố trí các khu vực trong khuôn viên trường chưa thuận tiện cho các hoạt động theo tiếp cận trải nghiệm cho số đông trẻ; một số trẻ có hoàn cảnh gia đình khó khăn (thuộc hộ nghèo và cận nghèo, bố mẹ đi làm công nhân xa nhà, ...).

4. Kết luận

Kết quả khảo sát kỹ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi khu vực miền núi phía Bắc vận dụng quan sát quá trình ở trường mầm non cho thấy, cảm giác thoải mái và sự tham gia hoạt động của trẻ chưa cao; mức độ biểu hiện kỹ năng tự bảo vệ của trẻ về cả 3 mặt nhận thức, thực hiện và thái độ của tất cả các kỹ năng thành phần phân bố chủ yếu ở mức 1 (mức yếu) và mức 2 (trung bình); mức độ 3 (khá) và mức độ 4 (tốt) có nhiều nhóm kỹ năng thành phần không có trẻ đạt, mức độ 4 chỉ chiếm dưới 19.1%. Từ những khó khăn và rào cản của trẻ trong học tập, vui chơi ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc, chúng tôi đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao mức độ kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ như sau: 1/Tạo môi trường hoạt động phong phú cho trẻ để có thể thực hiện mối tương tác đa chiều với môi trường tự nhiên, các phương tiện hoạt động (đồ dùng, đồ chơi,...). 2/Tổ chức các hoạt động giáo dục với nhiều hình thức khác nhau, trẻ được đặt vào những tình huống trải nghiệm thực tế hoặc giả định và được thực hiện lặp đi lặp lại thường xuyên. Khi đó, kỹ năng mà trẻ hình thành được sẽ có tính linh hoạt trong mọi tình huống. 3/Tạo động cơ tích cực cho trẻ trong hoạt động, giúp các hành động tự bảo vệ được hình thành một cách tự nhiên, tích cực, chủ động.

REFERENCES

- [1] Deblinger E, Stauffer L, Steer R. 2001. Comparative efficacies of supportive and cognitive behavioral group therapies for children that were sexually abused and their unoffending mothers, *Child Maltreatment* 6(4): 332–343.
- [2] Huong, N.T.X.. Situation and measures to educate self-defense skills for preschool children in some preschools in Dong Hoi City, Quang Binh Province. *Education Magazine*, Issue 482 (Term 2 - 7/2020).
- [3] Maureen C. Kenny (2008). Child Sexual Abuse: From Prevention to Self-Protection. *Child Abuse Review* Vol. 17: 36–54 (2008) Publish online in Wiley InterScience (www.interscience.wiley.com) DOI: 10.1002/car.1012.
- [4] Ministry of Education and Training (2017). *Early childhood education program*. Vietnam Education Publishing House.
- [5] Ministry of Education and Training (2020). *Practice observing children according to the process of preschool institutions*. The document is published by VVOB and the Ministry of Education and Training.
- [6] Runyon MK, Basilio I, Van Hasselt VB, Hersen M, (1998). Child witnesses to interparental violence: Child and family treatment. In Handbook of psychological treatment protocols for children and adolescents. *The LEA series in personality and clinical psychology*, Van Hasselt VB, Hersen M (eds). Lawrence Erlbaum Associates: Mahwah, NJ; 203–278.
- [7] Wurtele S, Owens J. (1997). Teaching personal safety skills to young children: An investigation of age and gender across five studies. *Child Abuse & Neglect* 21: 805–814.
- [8] <https://www.unicef.org/vietnam/media/1016/file/B%C3%A1o%20c%C3%A1o%20t%C3%B3m%20t%E1%BA%Aft.pdf>. *Summary Report on Mental health and psychosocial well-being of children and young people in some provinces and cities in Vietnam, 2015*.